

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1	Bùi Hà	Phương	TLA010880	3	35.75		35.75
2	Phạm Hằng	Nga	SPH012206	4	35.50		35.50
3	Hoàng Khánh	Linh	THP008243	4	34.75	0.5	35.42
4	Nguyễn Hữu	Bách	TDV002014	4	34.25	0.5	34.92
5	Nguyễn Văn	Thanh	HVN009361	4	34.25	0.5	34.92
6	Lê Tú	Quỳnh	SPH014494	4	32.75	1.5	34.75
7	Lưu Thanh	Thủy	KHA009796	4	34.75		34.75
8	Phạm Ngọc	Anh	THV000586	2	32.75	1.5	34.75
9	Hà Thanh	Huyền	YTB009911	4	34.00	0.5	34.67
10	Vương Thị Ngọc	Mai	KQH008869	4	34.00	0.5	34.67
11	Vũ Thị Ngọc	Mai	THV008481	4	32.50	1.5	34.50
12	Vương Nguyễn Hoàng	Yến	LNH011034	4	32.50	1.5	34.50
13	Doãn Nhật	Linh	TLA007637	4	34.50		34.50
14	Lại Thị Ngọc	Mai	SPH010980	3	34.50		34.50
15	Nguyễn Thị	Phượng	TLA011186	3	33.50	0.5	34.17
16	Đinh Thị Thu	Giang	HDT006217	2	29.50	3.5	34.17
17	Nguyễn Thu	Huyền	SPH007932	4	34.00		34.00
18	Trần Thùy	Linh	TND014820	4	32.00	1.5	34.00
19	Nghiêm Thị Lan	Hương	HHA006797	1	32.00	1.5	34.00
20	Phạm Thị Việt	Hà	YTB006150	4	33.00	0.5	33.67
21	Phạm Thị	Quỳnh	BKA011121	4	33.00	0.5	33.67
22	Trịnh Thị	Hương	KQH006815	4	33.00	0.5	33.67
23	Trần Khánh	Trình	TDV033555	4	33.00	0.5	33.67
24	Nguyễn Thị	Hạnh	TLA004432	2	33.00	0.5	33.67
25	Nguyễn Thị Thúy	Vân	SPH019290	4	33.50		33.50
26	Nguyễn Thảo	Nguyên	HHA010294	4	32.75	0.5	33.42
27	Bùi Thanh	Sơn	HDT021540	4	32.75	0.5	33.42
28	Nguyễn Thị Huyền	Trang	TDV032551	4	32.75	0.5	33.42
29	Nguyễn Thị Xong	Ngân	THV009303	4	30.00	2.5	33.33

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
30	Chu Thị Huyền	Bông	SPH002150	4	32.00	1.0	33.33
31	Đỗ Thị Linh	Chi	SPH002343	4	33.25		33.25
32	Lê Kiều	Minh	TLA009169	4	33.25		33.25
33	Lưu Thu	Trang	THV013776	3	31.25	1.5	33.25
34	Bùi Thị Vũ	Hoa	THV004696	3	31.25	1.5	33.25
35	Đoàn Thị Ngọc	Mai	TSN008875	3	31.25	1.5	33.25
36	Nguyễn Mỹ	Linh	TLA007965	1	33.25		33.25
37	Nguyễn Hoàng Nhật	Minh	SPH011408	1	33.25		33.25
38	Lê Thị Quỳnh	Hoa	HDT009228	4	32.50	0.5	33.17
39	Trần Thị Linh	Diệp	TND003502	3	28.50	3.5	33.17
40	Đặng Khánh	Huyền	BKA005936	2	32.50	0.5	33.17
41	Chu Thuỳ	Dương	TND004462	3	31.75	1.0	33.08
42	Lê Tú	Anh	BKA000358	2	33.00		33.00
43	Nguyễn Thúy	Quỳnh	SPH014554	4	32.25	0.5	32.92
44	Vũ Thu	Hiền	HHA004696	3	32.25	0.5	32.92
45	Nguyễn Thị Bảo	Thoa	TLA013067	3	32.25	0.5	32.92
46	Nguyễn Thị	Huyền	HVN004671	4	31.50	1.0	32.83
47	Vũ Thùy	Dung	SPH003127	3	32.75		32.75
48	Vũ Thị Phương	Nhung	KQH010404	4	32.00	0.5	32.67
49	Nguyễn Hồng	Hạnh	HHA004201	1	32.00	0.5	32.67
50	Dương Việt	Trình	KHA010663	3	32.50		32.50
51	Vũ Diệu	Linh	KHA005954	4	31.75	0.5	32.42
52	Nguyễn Thị	Thủy	THP014363	4	31.75	0.5	32.42
53	Hoàng Thu	Hương	THV006154	4	30.25	1.5	32.25
54	Nguyễn Thị Huệ	Chi	TDV002941	4	30.25	1.5	32.25
55	Nguyễn Thu	Hằng	SPH005682	4	32.25		32.25
56	Nguyễn Hoàng Chi	Mai	TLA008915	3	32.25		32.25
57	Nguyễn Ngọc	Linh	SPH009831	3	32.25		32.25
58	Vũ Thanh	Huyền	TTB002867	2	30.25	1.5	32.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
59	Đỗ Thùy	Linh	TDV016293	4	31.50	0.5	32.17
60	Vũ Trường	Anh	TLA001373	4	31.50	0.5	32.17
61	Bùi Thọ	Kiên	SPH008873	4	32.00		32.00
62	Phạm Xuân	Trường	SPH018261	4	32.00		32.00
63	Nguyễn Thu	Trang	TLA014185	4	32.00		32.00
64	Vũ Phương	Hà	LNH002604	2	30.00	1.5	32.00
65	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	TLA008062	2	30.00	1.5	32.00
66	Lã Thị	Trang	TND026228	4	27.25	3.5	31.92
67	Nguyễn Hồng	Phượng	THV010629	4	31.25	0.5	31.92
68	Tạ Thị Hồng	Hải	TND006773	4	31.25	0.5	31.92
69	Nguyễn Thị ái	Lành	TDV015722	3	31.25	0.5	31.92
70	Vũ Diệu	Linh	HDT014967	3	27.25	3.5	31.92
71	Phạm Thu	Phượng	BKA010497	2	31.25	0.5	31.92
72	Nguyễn Thị	Trang	HDT026950	4	30.50	1.0	31.83
73	Vũ Thị Kiều	Diễm	KHA001544	4	30.50	1.0	31.83
74	Lương Việt	Trình	YTB023328	4	30.50	1.0	31.83
75	Nguyễn Thị Mai	Quỳnh	THP012340	3	30.50	1.0	31.83
76	Dương Thị	Thảo	TND022829	2	30.50	1.0	31.83
77	Nguyễn Thục	Anh	BKA000656	4	31.75		31.75
78	Phạm Quỳnh	Trang	THV013949	4	29.75	1.5	31.75
79	Trần Ngọc	Anh	SPH001508	3	31.75		31.75
80	Nguyễn Diệu	Hoa	THV004742	4	27.00	3.5	31.67
81	Phùng Thị Quỳnh	Trang	SPH017766	4	31.00	0.5	31.67
82	Sần Thành	Nam	THV009047	2	27.00	3.5	31.67
83	Trần Vũ Thanh	Tâm	YTB019066	3	30.25	1.0	31.58
84	Dương Thị Thùy	Linh	THV007274	4	29.50	1.5	31.50
85	Lê Hương	Giang	TLA003824	4	31.50		31.50
86	Nguyễn Văn	San	THV011224	4	29.50	1.5	31.50
87	Vũ Minh	Anh	TLA001342	4	31.50		31.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
88	Lê Thị Ngọc	Hồng	HDT010096	3	29.50	1.5	31.50
89	Tăng Hoàng	Minh	BKA008740	2	31.50		31.50
90	Phan Thanh	Trà	DCN011602	4	30.75	0.5	31.42
91	Nguyễn Ngọc	Phượng	HHA011152	2	30.75	0.5	31.42
92	Nguyễn Thúy	Hạnh	SPH005408	4	31.25		31.25
93	Phi Quang	Khải	THV006494	3	29.25	1.5	31.25
94	Trần Khánh	Linh	SPH010153	2	31.25		31.25
95	Tống Kiên	Định	TDV006338	3	30.50	0.5	31.17
96	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	YTB000867	4	29.75	1.0	31.08
97	Nông Đức	Minh	SPH011485	4	29.75	1.0	31.08
98	Trần Quốc	Lượng	KQH008562	3	29.75	1.0	31.08
99	Phạm Thị Linh	Phượng	TDV024119	4	29.00	1.5	31.00
100	Đào Thị Thu	Huyền	TDV013257	4	29.00	1.5	31.00
101	Phạm Thủy	Tiên	THV013353	4	29.00	1.5	31.00
102	Doãn Ngọc	ánh	TTB000304	4	29.00	1.5	31.00
103	Lê Thị	Thủy	TDV030364	4	29.00	1.5	31.00
104	Đặng Việt	Hà	HHA003669	4	31.00		31.00
105	Đỗ Hà	Linh	TLA007647	3	31.00		31.00
106	Phan Thị Nguyên	Anh	TTN000582	3	29.00	1.5	31.00
107	Đỗ Thị Phương	Mai	THV008359	4	30.25	0.5	30.92
108	Trần Đức	Hiếu	YTB008052	4	30.25	0.5	30.92
109	Nguyễn Huy	Long	HVN006271	3	30.25	0.5	30.92
110	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	THP006590	4	29.50	1.0	30.83
111	Đỗ Thị Mỹ	Linh	THV007289	4	28.75	1.5	30.75
112	Lê Thị Bằng	Giang	TQU001305	4	28.75	1.5	30.75
113	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TTB005916	4	28.75	1.5	30.75
114	Hoàng Thảo	Linh	SPH009555	3	30.75		30.75
115	Nguyễn Kiều	Trinh	TLA014415	3	30.75		30.75
116	Lê Thùy	Dương	KHA002017	3	30.75		30.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
117	Tạ Hoàng	Hà	TLA004182	3	30.75		30.75
118	Ngô Thu	Uyên	SPH019146	3	30.75		30.75
119	Tô Thị Xuân	Thanh	TLA012242	2	30.75		30.75
120	Nguyễn Thị Thu	Hiền	TND007953	4	30.00	0.5	30.67
121	Dương Mai	Ngọc	DHU014355	4	30.00	0.5	30.67
122	Hà Thị Ngọc	Mai	THV008379	3	30.00	0.5	30.67
123	Trần Thị Ngọc	ánh	KQH000928	3	30.00	0.5	30.67
124	Nguyễn Thị Thùy	Trang	HVN011094	2	30.00	0.5	30.67
125	Đỗ Thị Quỳnh	Trang	DCN011643	1	30.00	0.5	30.67
126	Bùi Thị Mai	Phượng	YTB017127	4	29.25	1.0	30.58
127	Nguyễn Kiều	Anh	SPH000799	4	30.50		30.50
128	Đỗ Thị Quỳnh	Anh	TTB000061	4	28.50	1.5	30.50
129	Nguyễn Thảo	My	THV008838	4	28.50	1.5	30.50
130	Nguyễn Thị Hà	An	THP000039	4	30.50		30.50
131	Vũ Phương	Thảo	SPH015853	4	30.50		30.50
132	Lê Thị Thu	Trang	HHA014537	3	30.50		30.50
133	Nguyễn Thuý	Linh	KHA005802	3	30.50		30.50
134	Lê Diệp	Anh	TLA000385	3	30.50		30.50
135	Trần Cao ánh	Dương	HHA002782	3	30.50		30.50
136	Trần Thị Như	Quyên	TTB005117	2	28.50	1.5	30.50
137	Nguyễn Nguyệt	ánh	SPH001794	2	30.50		30.50
138	Vũ Hồ Diệu	Linh	TLA008344	1	30.50		30.50
139	Hoàng Ngọc	ánh	TND001290	4	25.75	3.5	30.42
140	Vũ Thanh	Hương	HHA006977	4	29.75	0.5	30.42
141	Bùi Tú	Anh	DCN000078	4	29.75	0.5	30.42
142	Phạm Thị Hồng	Ngọc	HDT018109	4	29.75	0.5	30.42
143	Vũ Đức	Minh	HVN006893	3	29.75	0.5	30.42
144	Nguyễn Lê Diệu	Linh	DCN006370	2	29.75	0.5	30.42
145	Phạm Thị Hoàng	Phượng	YTB017412	4	29.00	1.0	30.33

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
146	Đinh Ngọc	ánh	HDT001748	4	28.25	1.5	30.25
147	Nguyễn Thị Mai	Hương	LNH004539	4	28.25	1.5	30.25
148	Phạm Thị Phương	Anh	SPH001370	3	30.25		30.25
149	Ngô Thu	Hiền	SPH005905	3	30.25		30.25
150	Hoàng Thị Kim	Anh	HDT000432	2	28.25	1.5	30.25
151	Nguyễn Thị	Ly	DCN007040	4	29.50	0.5	30.17
152	Trần Lê	Minh	HDT016703	4	29.50	0.5	30.17
153	Triệu Thùy	Linh	TND014767	4	25.50	3.5	30.17
154	Bùi Hải	Yến	LNH010934	4	25.50	3.5	30.17
155	Vũ ánh	Nguyệt	TDV021765	4	29.50	0.5	30.17
156	Vi Ngọc	Diệp	TND003504	2	25.50	3.5	30.17
157	Phạm Thị Thục	Anh	HHA000838	2	29.50	0.5	30.17
158	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	LNH006690	2	29.50	0.5	30.17
159	Phạm Ngọc	Anh	LNH000515	1	25.50	3.5	30.17
160	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	DCN006443	4	28.75	1.0	30.08
161	Đặng Thị	Nhạn	TND018553	4	28.75	1.0	30.08
162	Nguyễn Thị Hương	Giang	KQH003390	4	28.75	1.0	30.08
163	Bùi Thị Phương	Anh	YTB000159	3	28.75	1.0	30.08
164	Đỗ Thị	Thảo	HDT023065	1	28.75	1.0	30.08
165	Lê Đức	Anh	HDT000506	4	28.00	1.5	30.00
166	Nguyễn Thu	Yến	TLA015935	4	30.00		30.00
167	Phạm Thùy	Dung	NLS001628	4	28.00	1.5	30.00
168	Nguyễn Trà	My	TLA009455	3	30.00		30.00
169	Vũ Thị Minh	Anh	THP000955	4	29.25	0.5	29.92
170	Tô Thị Hương	Ly	TQU003485	4	25.25	3.5	29.92
171	Phan Thùy	Dung	DCN001755	4	29.25	0.5	29.92
172	Phan Bảo	Ngọc	HHA010187	3	29.25	0.5	29.92
173	Trần Thị Cẩm	Tú	THP015924	2	29.25	0.5	29.92
174	Trần Thị Thùy	Dương	BKA002657	2	29.25	0.5	29.92

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
175	Trần Thị Hải	Yến	DCN013484	4	28.50	1.0	29.83
176	Lê Thị Thuỳ	Dương	HDT004836	3	28.50	1.0	29.83
177	Hoàng Thị	Nguyệt	HDT018283	3	28.50	1.0	29.83
178	Vũ Thị Thanh	Thắng	KQH013005	2	28.50	1.0	29.83
179	Nguyễn Phương	Thanh	THV011883	4	27.75	1.5	29.75
180	Đoàn Hồng	Nhung	HDT018685	4	27.75	1.5	29.75
181	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	TLA015918	4	27.75	1.5	29.75
182	Đỗ Minh	Anh	SPH000210	4	29.75		29.75
183	Nguyễn Trần Mỹ	Ngọc	HHA010177	3	29.75		29.75
184	Nguyễn Hoàng Nhật	Linh	TLA007928	3	29.75		29.75
185	Huỳnh Phương	Ngân	KHA007040	3	29.75		29.75
186	Nguyễn Phương	Thảo	TLA012533	2	29.75		29.75
187	Đào Tường	Chi	SPH002348	1	29.75		29.75
188	Hoàng Thùy	Linh	HDT013996	2	29.00	0.5	29.67
189	Bùi Ngọc	Trà	LNH009620	2	25.00	3.5	29.67
190	Lương Bảo	Thái	TTB005622	2	25.00	3.5	29.67
191	Lê Thị Diệp	ánh	HVN000787	1	29.00	0.5	29.67
192	Đình Hoàng	Lộc	TLA008601	4	28.25	1.0	29.58
193	Cao Thị	Quỳnh	BKA011019	1	28.25	1.0	29.58
194	Lê Khánh	Linh	HDT014051	4	27.50	1.5	29.50
195	Nghiêm Thị	Thơ	SPH016236	4	29.50		29.50
196	Đỗ Ngọc Thuỷ	Dương	KHA001994	4	29.50		29.50
197	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	HHA001145	4	29.50		29.50
198	Đào Mai	Trang	BKA013308	4	29.50		29.50
199	Nguyễn Thị Trâm	Anh	KHA000487	3	29.50		29.50
200	Nguyễn Phương	Hà	SPH004882	3	29.50		29.50
201	Nguyễn Anh	Quân	THV010830	1	27.50	1.5	29.50
202	Nguyễn Thúy	Ngọc	LNH006708	4	24.75	3.5	29.42
203	Vũ Thị Thùy	Tiên	KHA010043	4	28.75	0.5	29.42

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
204	Vũ Khánh	Linh	HVN006139	3	28.75	0.5	29.42
205	Bùi Khánh	Linh	HHA007761	3	28.75	0.5	29.42
206	Lê Hoàng Yến	Nhi	HDT018560	3	28.75	0.5	29.42
207	Vũ Thị	Xuân	THP017019	2	28.75	0.5	29.42
208	Phan Cẩm	Tú	HVN011598	4	28.00	1.0	29.33
209	Mai Thị	Hằng	KQH004245	4	28.00	1.0	29.33
210	Lê Thị Lan	Hương	HDT012130	3	28.00	1.0	29.33
211	Trần Thị Huyền	Trang	KQH014760	3	28.00	1.0	29.33
212	Lê Minh	Nguyệt	TDV021670	3	28.00	1.0	29.33
213	Trần Thị	Trang	YTB023140	3	28.00	1.0	29.33
214	Trần Tiến	Đạt	SPH003993	4	29.25		29.25
215	Lê Thái	Anh	THV000278	4	27.25	1.5	29.25
216	Hoàng Hải	Ly	TND015644	3	27.25	1.5	29.25
217	Trần Minh	Anh	BKA000870	2	29.25		29.25
218	Nguyễn Thị Kim	Quý	HHA011590	2	27.25	1.5	29.25
219	Nguyễn Lan	Hương	SPH008306	2	29.25		29.25
220	Đoàn Thị Khánh	Hoà	KQH005130	4	28.50	0.5	29.17
221	Nghiêm Ngọc	ánh	HHA001120	4	28.50	0.5	29.17
222	Bùi Thúy	Nường	LNH007085	4	24.50	3.5	29.17
223	Nguyễn ánh	Ngọc	HDT018011	4	28.50	0.5	29.17
224	La Thị Ngọc	Châm	TND002101	3	24.50	3.5	29.17
225	Nguyễn Anh	Hùng	THV005446	3	28.50	0.5	29.17
226	Ngô Thị	Thủy	SPH016579	4	27.75	1.0	29.08
227	Nguyễn Thị Phương	Anh	HDT001163	4	27.75	1.0	29.08
228	Bùi Thị Hoàng	Yến	THV015553	4	27.75	1.0	29.08
229	Đỗ Văn	Phúc	YTB017004	4	27.75	1.0	29.08
230	Bùi Thị Thúy	An	TDV000032	3	25.75	2.5	29.08
231	Nguyễn Thị	Linh	HDT014490	3	27.75	1.0	29.08
232	Nguyễn Thị Thu	Hà	YTB006049	3	27.75	1.0	29.08

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
233	Đặng Thị	Hằng	YTB006931	3	27.75	1.0	29.08
234	Phạm Nhật	Lệ	KHA005438	3	27.75	1.0	29.08
235	Nguyễn Kim	Anh	LNH000323	4	27.00	1.5	29.00
236	Trịnh Hoài	Đức	TND005702	4	27.00	1.5	29.00
237	Phạm Trà	Giang	HHA003562	4	29.00		29.00
238	Phạm Thị	Nga	HHA009767	4	29.00		29.00
239	Phạm Ngọc	Hà	HHA003858	4	29.00		29.00
240	Nguyễn Hồ Hoàng	Yến	HDT030383	3	27.00	1.5	29.00
241	Nguyễn Phương	Linh	BKA007595	3	29.00		29.00
242	Nguyễn Nhật	Linh	TLA008002	2	29.00		29.00
243	Tạ Hoàng	An	TLA000073	2	29.00		29.00
244	Nguyễn Thị Hạnh	Nguyên	SPH012748	1	29.00		29.00
245	Nguyễn Hà	Thủy	SPH016585	1	29.00		29.00
246	Lê Thị Thanh	Hằng	THV004031	1	27.00	1.5	29.00
247	Bế Ngọc	ánh	TND001235	4	24.25	3.5	28.92
248	Nguyễn Thị Thu	Nga	KQH009562	3	28.25	0.5	28.92
249	Dương Khánh	Linh	YTB012392	3	28.25	0.5	28.92
250	Nguyễn Đức	Anh	HVN000296	2	28.25	0.5	28.92
251	Nguyễn Thị	Thủy	HVN010311	4	27.50	1.0	28.83
252	Ngô Thị	Nhàn	BKA009759	4	27.50	1.0	28.83
253	Đỗ Thị	Hằng	HDT007761	3	27.50	1.0	28.83
254	Phạm Thị Mỹ	Linh	KHA005871	3	27.50	1.0	28.83
255	Phạm Thị Trang	Thu	YTB020964	2	27.50	1.0	28.83
256	Tổng Thị	Chinh	TND002555	3	26.75	1.5	28.75
257	Đỗ Thị	Vân	TND029031	2	26.75	1.5	28.75
258	Tạ Ngọc Bảo	Thư	TQU005549	2	26.75	1.5	28.75
259	Nguyễn Hoàng	Hiếu	SPH006304	2	28.75		28.75
260	Nguyễn Đức	Tú	TLA014755	2	28.75		28.75
261	Chu Sơn	Nguyên	HHA010273	1	28.75		28.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
262	Nguyễn Ngọc	Anh	YTB000683	4	28.00	0.5	28.67
263	Võ Thị Ngọc	Loan	TDV017618	3	28.00	0.5	28.67
264	Kiều Thị Mai	Anh	KQH000222	2	28.00	0.5	28.67
265	Trịnh Hồng	Vân	HDT029662	1	28.00	0.5	28.67
266	Bùi Thị Ngọc	Anh	YTB000153	4	27.25	1.0	28.58
267	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	SPH012752	3	27.25	1.0	28.58
268	Nguyễn Thị Thảo	Phượng	TTB004914	4	26.50	1.5	28.50
269	Nguyễn Thị Anh	Thư	HHA013974	4	28.50		28.50
270	Vũ Thị Minh	Hằng	TQU001666	3	26.50	1.5	28.50
271	Lê Thị Phương	Linh	TTB003488	3	26.50	1.5	28.50
272	Trương Diệu	Linh	TLA008328	2	28.50		28.50
273	Nguyễn Phương	Anh	BJA000546	2	28.50		28.50
274	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TTB005911	1	26.50	1.5	28.50
275	Lê Thị Hồng	Xoan	TDV036622	4	27.75	0.5	28.42
276	Đinh Thị	Hài	THP004052	3	27.75	0.5	28.42
277	Nguyễn Thanh	Quý	KQH011380	3	27.75	0.5	28.42
278	Đào Thị Thanh	Nga	HHA009701	2	27.75	0.5	28.42
279	Nguyễn Thanh	Thư	HDT025355	2	27.75	0.5	28.42
280	Vũ Thị Như	Quỳnh	HHA011872	1	27.75	0.5	28.42
281	Lê Thị	Giang	HDT006294	3	27.00	1.0	28.33
282	Nguyễn Thị Thu	Hà	YTB006071	3	27.00	1.0	28.33
283	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	YTB018328	3	27.00	1.0	28.33
284	Nguyễn Thị Lam	Hoa	TND008799	4	26.25	1.5	28.25
285	Lê Đình	Hiệp	TLA004967	4	28.25		28.25
286	Nguyễn Phương	Trinh	SPH017987	3	28.25		28.25
287	Nguyễn Thị Trung	Anh	BJA000639	3	28.25		28.25
288	Nguyễn Quang	Thịnh	TND024009	3	26.25	1.5	28.25
289	Đỗ Thị Linh	Trang	SPH017310	2	28.25		28.25
290	Phạm Thị Thu	Trang	TND026670	4	27.50	0.5	28.17

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
291	Bùi Thị	Giang	DCN002642	4	23.50	3.5	28.17
292	Nguyễn Hồng	Hạnh	THV003877	3	27.50	0.5	28.17
293	Phạm Thị Hồng	Nhung	HDT018961	3	23.50	3.5	28.17
294	Nguyễn Thị Huyền	Trang	KQH014548	3	26.75	1.0	28.08
295	Đặng Thị	Hường	BKA006562	2	26.75	1.0	28.08
296	Đỗ Duy	Khánh	HHA007171	4	28.00		28.00
297	Lê Thị Thảo	Linh	BKA007469	3	28.00		28.00
298	Nguyễn Việt	Lâm	TQU002909	1	26.00	1.5	28.00
299	Nguyễn Phương	Trang	TLA014066	1	28.00		28.00
300	Lê Thị Hương	Giang	SPH004513	4	27.25	0.5	27.92
301	Kiều Phương	Linh	DCN006281	4	27.25	0.5	27.92
302	Vũ Gia	Khiêm	DCN005712	3	27.25	0.5	27.92
303	Chu Liên	Thương	TTB006484	3	23.25	3.5	27.92
304	Sầm Thị Diệu	Sương	TDV026589	3	23.25	3.5	27.92
305	Nguyễn Thị Châu	Anh	HHA000574	1	27.25	0.5	27.92
306	Quyển Thị Thúy	Nga	BKA009190	1	27.25	0.5	27.92
307	Hứa Thị	Thùy	THV012959	1	23.25	3.5	27.92
308	Lê Phương	Thảo	YTB019704	4	26.50	1.0	27.83
309	Nguyễn Phương	Anh	YTB000714	4	26.50	1.0	27.83
310	Bế Phương	Linh	TLA007593	3	26.50	1.0	27.83
311	Phan Thị	Phương	BKA010481	3	26.50	1.0	27.83
312	Nguyễn Thị	Thu	HVN010121	2	26.50	1.0	27.83
313	Phạm Thị Phương	Anh	LNH000525	4	25.75	1.5	27.75
314	Phạm Thu	Trang	HHA014774	4	25.75	1.5	27.75
315	Nguyễn Hồng	Nhung	BKA009928	3	27.75		27.75
316	Nguyễn Thị Phương	Linh	HHA008112	3	27.75		27.75
317	Dương Thị Thanh	Mai	THV008356	3	25.75	1.5	27.75
318	Lương Mỹ	Duyên	SPH003487	2	27.75		27.75
319	Dương Đức	Anh	BKA000119	2	27.75		27.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
320	Nguyễn Thị	Hường	TND012187	1	25.75	1.5	27.75
321	Trịnh Thị Phương	Anh	HDT020299	4	27.00	0.5	27.67
322	Vi Thị Kim	Ngân	THV009296	4	27.00	0.5	27.67
323	Đinh Hoàng Thùy	Linh	TQU003083	1	23.00	3.5	27.67
324	Nguyễn Thị Trà	My	HVN006951	2	26.25	1.0	27.58
325	Lại Thị Nhật	Anh	TND000506	2	26.25	1.0	27.58
326	Lê Thị Thu	Hoài	TDV011294	4	25.50	1.5	27.50
327	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	SPH009919	3	27.50		27.50
328	Đổng Thị Lan	Anh	THP000240	2	25.50	1.5	27.50
329	Nguyễn Thị Hoài	Trâm	TDV033267	2	25.50	1.5	27.50
330	Hoàng Thị	Hằng	TND007292	4	22.75	3.5	27.42
331	Nguyễn Thị Anh	Ngọc	HDT018034	4	26.75	0.5	27.42
332	Trần Thị Thuỳ	Anh	YTB001313	3	26.75	0.5	27.42
333	Tạ Thị	Nga	HDT017518	3	26.75	0.5	27.42
334	Mạc Kim	Chi	TND002257	1	22.75	3.5	27.42
335	Nguyễn Thị	Linh	TDV016826	4	26.00	1.0	27.33
336	Nguyễn Thị Hương	Ly	YTB013836	4	26.00	1.0	27.33
337	Lê Thị	Nhâm	TLA010380	3	26.00	1.0	27.33
338	Nguyễn Thị	Bích	HDT002091	3	26.00	1.0	27.33
339	Phạm Thị	Hường	YTB011083	2	26.00	1.0	27.33
340	Thịnh Thái	Thảo	SPH015812	4	27.25		27.25
341	Phạm Hồng	Loan	TLA008406	3	25.25	1.5	27.25
342	Lê Đức	Mạnh	BKA008509	3	27.25		27.25
343	Nguyễn Thu	Trang	SPH017686	2	27.25		27.25
344	Trần Khánh	Linh	TLA008251	4	26.50	0.5	27.17
345	Phan Lê	Bình	TND001919	4	26.50	0.5	27.17
346	Nguyễn Thanh	Mai	LNH005973	4	26.50	0.5	27.17
347	Nguyễn Thị	Linh	LNH005370	4	26.50	0.5	27.17
348	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	SPH017616	4	26.50	0.5	27.17

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
349	Dương Thị Mỹ	Linh	HDT013796	3	26.50	0.5	27.17
350	Bùi Thị Ngọc	Trâm	HDT027311	4	25.75	1.0	27.08
351	Nguyễn Thị	Tuyền	SPH018992	3	25.75	1.0	27.08
352	Phan Thị Thu	Hảo	TLA004517	3	25.75	1.0	27.08
353	Nguyễn Thị Vân	Huyền	KQH006295	2	25.75	1.0	27.08
354	Phạm Huyền	Cơ	TLA002178	3	27.00		27.00
355	Hồ Minh	Anh	SPH000347	3	27.00		27.00
356	Nguyễn Vũ Thảo	Linh	YTB012920	3	26.25	0.5	26.92
357	Vũ Đình	Hưng	THP006891	4	25.50	1.0	26.83
358	Vũ Hoàng	Long	THP008850	3	25.50	1.0	26.83
359	Trần Văn	Phúc	HDT019575	2	25.50	1.0	26.83
360	Nguyễn Thị Hương	Ly	THV008295	4	24.75	1.5	26.75
361	Nguyễn Tiến	Đạt	BKA002867	4	26.00	0.5	26.67
362	Mai Thục	Anh	HDT000865	2	26.00	0.5	26.67
363	Trần Thị	Diệu	KHA001593	4	25.25	1.0	26.58
364	Vũ Thị	Ngọc	THP010524	4	25.25	1.0	26.58
365	Nguyễn Thị	Mỹ	HVN006967	4	25.25	1.0	26.58
366	Phạm Thị	ánh	YTB001658	4	25.25	1.0	26.58
367	Vũ Thị Thuỳ	Dương	YTB004488	3	25.25	1.0	26.58
368	Vũ Thị	Lương	KQH008550	1	25.25	1.0	26.58
369	Nguyễn Thùy	Linh	LNH005432	3	24.50	1.5	26.50
370	Nguyễn Thùy	Dung	TND003779	1	24.50	1.5	26.50
371	Nguyễn Phương	Anh	KHA000395	2	25.75	0.5	26.42
372	Nguyễn Thị Hoài	Thương	TDV031055	2	25.75	0.5	26.42
373	Lê Thị Bích	Diệp	HDT003606	4	24.25	1.5	26.25
374	Lê Thị Mỹ	Hạnh	THP004261	4	25.50	0.5	26.17
375	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	TDV016929	4	25.50	0.5	26.17
376	Nguyễn Thị Minh	Anh	HDT001116	4	25.50	0.5	26.17
377	Nguyễn Hà	Phương	TDV023906	4	24.75	1.0	26.08

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
378	Bùi Thu	Trang	LNH009653	2	21.25	3.5	25.92
379	Nguyễn Thị	Hà	THP003838	2	25.25	0.5	25.92
380	Trần Thị Thiên	Nga	KHA007005	3	24.50	1.0	25.83
381	Trần Thị Hà	Phương	SPH013865	4	25.75		25.75
382	Vũ Minh	Nguyệt	BKA009733	3	25.75		25.75
383	Lương Thúy	Hiền	HVN003385	2	25.75		25.75
384	Nguyễn Thùy	Tiên	TND025492	4	25.00	0.5	25.67
385	Hoàng	Hiệp	LNH003234	1	23.50	1.5	25.50
386	Hoàng Ngọc	Chi	TND002326	3	24.75	0.5	25.42
387	Nguyễn Thị	Thìn	THP013840	3	24.75	0.5	25.42
388	Đoàn Mỹ	Hạnh	HHA004179	2	24.75	0.5	25.42
389	Lê Thị	Hòa	HDT009440	3	23.25	1.5	25.25
390	Đoàn Thị Huệ	Anh	SPH000331	4	24.50	0.5	25.17
391	Nguyễn Huyền	Trang	HDT026719	4	24.50	0.5	25.17
392	Lương Thị Linh	Chi	HDT002535	3	20.50	3.5	25.17
393	Vũ Thị	Hương	THP007210	2	24.50	0.5	25.17
394	Hoàng Thị	Xuân	TND029773	4	20.25	3.5	24.92
395	Nông Thị	Vin	TND029364	4	20.25	3.5	24.92
396	Nguyễn Thị ánh	Ngọc	SPH012589	3	24.25	0.5	24.92
397	Đỗ Thị	Thiện	HDT023973	4	23.50	1.0	24.83
398	Nguyễn Thị Hải	Yến	YTB025772	4	23.50	1.0	24.83
399	Lê Thu	Hà	HDT006724	3	23.50	1.0	24.83
400	Nguyễn Thị Hoài	Thu	TDV029849	4	24.00	0.5	24.67
401	Trần Thị Lan	Anh	TND001099	4	22.50	1.5	24.50
402	Nguyễn Thị Phương	Hoa	TND008807	3	22.50	1.5	24.50
403	Hoàng Linh	Đan	HHA002851	4	23.75	0.5	24.42
404	Lầu Thị	Báu	TTB000350	1	19.75	3.5	24.42
405	Nguyễn Thị	Hợi	LNH003779	4	22.25	1.5	24.25
406	Đặng Thị Hồng	Nhung	TND018808	2	22.25	1.5	24.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
407	Nguyễn Thị Anh	Thư	LNH009324	1	22.25	1.5	24.25
408	Trần Minh	Hằng	KHA003290	1	23.50	0.5	24.17
409	Phạm Thị Tuyết	Hoa	THV004777	1	22.00	1.5	24.00
410	Khiếu Thị Kim	Anh	YTB000458	4	23.25	0.5	23.92
411	Dương Thị Thu	Hương	TND011695	4	19.25	3.5	23.92
412	Nguyễn Minh	Đức	THV003055	1	23.25	0.5	23.92
413	Nguyễn Thị	Loan	YTB013301	4	22.50	1.0	23.83
414	Trần Thị Thu	Hằng	YTB007166	2	22.50	1.0	23.83
415	Trần Thị	Khá	YTB011172	1	22.50	1.0	23.83
416	Nguyễn Thị	Huế	HVN004280	1	22.50	1.0	23.83
417	Lê Thành	Nam	HDT017020	4	21.75	1.5	23.75
418	Nguyễn Thị	Thuỷ	TND024611	4	21.75	1.5	23.75
419	Nguyễn Thị	Huyền	TTB002829	2	21.75	1.5	23.75
420	Vũ Tiến	Hưng	THV006098	1	21.75	1.5	23.75
421	Hà Thúy	Hằng	SPH005548	4	23.00	0.5	23.67
422	Đào Huyền	My	TND016779	4	23.00	0.5	23.67
423	Phạm Thị Thanh	Dung	DCN001758	3	22.25	1.0	23.58
424	Bùi Thu	Thủy	HVN010237	2	23.50		23.50
425	Nguyễn Hồng	Diệp	TND005166	4	18.75	3.5	23.42
426	Bùi Yến	Chi	THP001482	4	22.00	1.0	23.33
427	Trần Thị Bích	Hạnh	YTB006734	1	21.75	1.0	23.08
428	Vũ Thị Thu	Trang	NLS013364	4	21.00	1.5	23.00
429	Phạm Hương	Thảo	TLA012638	3	23.00		23.00
430	Nguyễn Thùy	Dương	THV002547	3	21.00	1.5	23.00
431	Nông Thị Thu	Hoài	TND009059	4	18.25	3.5	22.92
432	Nguyễn Thúy	Hằng	THP004564	3	22.25	0.5	22.92
433	Phạm Thị Thanh	Hải	YTB006466	4	21.50	1.0	22.83
434	Nguyễn Bình	Dương	TTB001355	3	20.75	1.5	22.75
435	Trần Thị	Giang	TDV007480	4	22.00	0.5	22.67

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
436	Chắng Kiều	Hoài	TQU001983	4	18.00	3.5	22.67
437	Phàn Mỷ	Lẫy	DCN005972	2	18.00	3.5	22.67
438	Nguyễn Thị Kim	Thoan	TLA013090	4	21.25	1.0	22.58
439	Trần Thị Trà	Giang	TDV007503	4	21.25	1.0	22.58
440	Phạm Thị Hà	Trang	YTB022998	4	21.25	1.0	22.58
441	Ngô Thị Ngọc	ánh	HVN000797	2	21.25	1.0	22.58
442	Trương Thị Hồng	Mai	YTB014137	1	21.25	1.0	22.58
443	Đỗ Thu	Hoài	THV004886	3	17.75	3.5	22.42
444	Nguyễn Thị	Mây	HVN006740	1	21.00	1.0	22.33
445	Trần Thuỳ	Linh	TDV017369	1	21.50	0.5	22.17
446	Phan Thị Hà	My	DHU013378	4	20.75	1.0	22.08
447	Nông Thị	Bốn	TND001954	3	17.25	3.5	21.92
448	Trương Thị Thúy	An	YTB000084	2	21.25	0.5	21.92
449	Vương Thị Khánh	Huyền	THP006756	4	20.50	1.0	21.83
450	Vương Thị Thu	Phương	THV010598	2	19.75	1.5	21.75
451	Nông Thị Minh	Thu	TND024423	1	17.00	3.5	21.67
452	Trần Thị	Hà	HDT006976	4	20.25	1.0	21.58
453	Tự Thị Mỹ	Linh	THP008529	1	20.25	1.0	21.58
454	Đào Thị	Thu	HVN010083	4	20.00	1.0	21.33
455	Dương Thái	Ni	TDV022712	4	20.50	0.5	21.17
456	Nguyễn Thị	Châm	HDT002396	4	19.75	1.0	21.08
457	Nhâm Thị	Ngân	YTB015402	2	19.75	1.0	21.08
458	Vũ Hồng	Ngọc	THV009610	3	19.00	1.5	21.00
459	Trần Đức Trọng	Đạt	HVN002179	3	20.25	0.5	20.92
460	Nguyễn Minh	Thảo	SPH015664	4	20.50		20.50
461	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	YTB016405	2	19.00	1.0	20.33
462	Hạng Thị	Pàng	TTB004708	4	15.50	3.5	20.17
463	Lê Thị	Trang	TLA013996	4	18.75	1.0	20.08
464	Nguyễn Thị	Duyên	TND004341	4	17.75	1.5	19.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
Tổ hợp môn xét tuyển: D01 (Toán - Văn - Anh)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

Trang 17

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
465	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	HVN008861	4	19.00	0.5	19.67
466	Nguyễn Thị Thiên	Hương	TDV014439	4	16.50	1.0	17.83
467	Đỗ Anh	Đức	BKA003138	4	16.50	1.0	17.83
468	Dương Thị Tuyết	Chinh	LNH001066	4	15.50	1.5	17.50
469	Nguyễn Thị Thuý	Vân	YTB024988	4	15.75	1.0	17.08
470	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	DCN012825	4	15.00	1.5	17.00
471	Nguyễn Thị	ánh	TLA001446	4	13.50	1.0	14.83
472	Hoàng Thị Hải	Yến	SPH019797	4	12.25	0.5	12.92

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU